

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06-5-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Phan; Ông Vàng A Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ N L, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Nguyễn V, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ N L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Nguyễn V đăng ký kết hôn ngày 04/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V ham mê cờ bạc, dẫn đến nợ nần và thường xuyên dọa nạt, đánh đập chị. Anh V đã được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng anh V không thay đổi và cũng không thật sự còn yêu thương chị nên vẫn thường xuyên dọa nạt, đánh đập chị nên chị đã trình báo với

Công an xã P và tháng 8 năm 2023 đã sống ly thân, thuê nhà ra ngoài ở riêng từ đó cho đến nay. Chị xét thấy không còn tình cảm với anh V, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

2. Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là Trịnh Thị Bảo N, sinh ngày 01/9/2013 và Trịnh Nguyễn Tất T, sinh ngày 09/4/2016. Từ khi sống ly thân với anh V, hai con ở cùng với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh V phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Vì công việc của anh V là làm nghề lái xe khách nên thường xuyên vắng nhà, sẽ không đảm bảo thời gian để chăm sóc các con.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trịnh Nguyễn V trình bày: Anh xác nhận anh và chị L đã sống ly thân, từ khi sống ly thân không quan tâm đến nhau, chỉ liên lạc để trao đổi về việc của các con. Anh mong muốn được đoàn tụ với chị L và không nhất trí ly hôn. Về con chung anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Trịnh Thị Bảo N. Về tài sản chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tạ N L và xem xét quyết định: Chị L được ly hôn với anh V; giao con chung Trịnh Thị Bảo N, sinh ngày 01/9/2013 và Trịnh Nguyễn Tất T, sinh ngày 09/4/2016 cho chị L nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung do không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trịnh Nguyễn V có nơi cư trú tại Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu. Anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 17/4/2024, Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ N L và anh Trịnh Nguyễn V đăng ký kết hôn ngày 04/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn giữa chị L và anh V hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh V là hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh V hạnh phúc được khoảng 08 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh V đã có lần đánh đập chị L khiến cho tình cảm giữa hai vợ chồng không còn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2023 và cũng không còn quan tâm, chia sẻ đến nhau. Anh V không nhất trí ly hôn, mong muốn được đoàn tụ do tình cảm vẫn còn nhưng khi Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải anh V cố tình không đến. Ủy ban nhân dân xã P xác nhận vợ chồng chị L anh V mâu thuẫn từ năm 2020, thường xuyên cãi và đánh nhau nhưng không rõ nguyên nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị L và anh V cũng đã kéo dài, giữa chị L và anh V không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chị L không còn tình cảm yêu thương đối với anh V, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh V, anh V mong muốn được đoàn tụ nhưng anh không đến Tòa án để tiến hành

các thủ tục hòa giải chứng tỏ anh không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh V đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung là Trịnh Thị Bảo N, sinh ngày 01/9/2013 và Trịnh Nguyễn Tất T, sinh ngày 09/4/2016. Chị L có nguyện vọng nuôi cả hai con. Anh V có nguyện vọng được nuôi con Trịnh Thị Bảo N. Xét thấy chị L là nhân viên y tế và có nguồn thu nhập ổn định, anh V làm nghề lái xe khách chạy tuyến Than Uyên - Lào Cai nên sẽ không có nhiều thời gian để chăm sóc các con. Tại biên bản lấy lời khai của các con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị L không yêu cầu anh V phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị L và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tạ N L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ N L được ly hôn với anh Trịnh Nguyễn V.

2. Về con chung:

Giao con chung Trịnh Thị Bảo N, sinh ngày 01/9/2013 và Trịnh Nguyễn Tất T, sinh ngày 09/4/2016 cho chị Tạ N L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Trịnh Nguyễn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tạ N L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị Tạ N L và anh Trịnh Nguyễn V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Tạ N L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000857 ngày 18/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Vĩnh Kiên, H. Yên Bình, Yên Bái;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh